

nhóm lựa viết

Việt ngữ

Lớp 2



Nhà Xuất - bản CÀNH - HỒNG

152, Cô Giang Saigon

Đ.T. : 93.716

VIỆT - NGŨ

THANH-BINH

LÖP 2

TU SACH
H. L. Lien

thuongmaitruongxua.vn

● Trình bày và minh họa : Học sĩ HUYNH PHÚ NGUYỄN.
Tất nghiệp Trường Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định.

Lời nói đầu

Cuốn sách chúng tôi hân-hạnh gửi tới Quý-vị đồng nghiệp hôm nay có ưu-điểm chắc-chắn là được biên-soạn theo đường lối tập-thể. Nhóm Lừa-Việt chúng tôi gồm những giáo-chức khác nhau về tuổi đời, cũng như về tuổi nghề. Tất cả đã từng dạy qua các lớp ở bậc Tiểu học và hiện vẫn phục-vụ ngành tiểu-học trên những phương-vị khác nhau; nên có thể nói rằng đã thấu-luộm được một mớ kinh-nghiệm vững-vàng và hợp-thời. Bài vở, qua sự gạn lọc của một tập-thể như vậy, chắc chắn đã loại được nhiều thiếu sót.

Ngoài ra, nhà xuất-bản luôn luôn hội-y với nhóm biên-soạn và áp-dụng những kỹ-thuật ấn-loát tân-kỳ nhất, để thực-hiện những tiêu-chuẩn đã được đề ra. Vì vậy, chúng tôi mong rằng có thể làm Quý-vị hài-lòng về những điểm sau đây :

● Về hình - thức :

— Sách hoàn-toàn in offset, để đạt được một hình-thức sáng-sủa, đẹp-đẽ.

— Bài vở đủ dùng cho một niên-khóa.

— Nhiều hình ảnh đi liền ngay với bài ngữ vựng và học-thuộc lòng để cụ-thể hóa bài dạy.

● Về nội-dung :

Bài vở soạn đúng theo chương-trình và lời chỉ-dẫn của Bộ giáo-dục :

— NGỮ-VỰNG : Những bài đọc được soạn vừa phải, có mạch-lạc, theo nhiều lối văn, nên không khô-khan. Số từ-ngữ mới của mỗi bài được gạn lọc để vừa đủ dạy trong thời-gian ấn-định. Riêng lớp Bốn và lớp Năm, các từ-ngữ Hán-Việt thường được phân-tích trước khi giải-nghĩa.

— TẬP-ĐỌC, HỌC-THUỘC LÒNG : Các bài là những đoạn văn, thơ có giá trị trích ở tác phẩm của văn, thi-sĩ hiện đại. Nội-dung các bài đều hợp với chủ-điểm ngữ vựng, vừa sức hiểu-biết của học-sinh.

— CHÁNH TẢ : Các bài viết đều ngắn, mạch-lạc, có liên-quan với chương-trình ngữ-vựng. Những từ-ngữ học-sinh thường hay lầm-lẫn được lưu-ý nhiều lần trong phần nhận-xét chánh-tả.

— TẬP VIẾT : Các bài tập-viết được soạn theo nguyên-tắc tiệm-tiến, dạy từ chữ dễ viết đến chữ khó. Những câu áp-dụng thường có ý-nghĩa giáo-dục.

Mặc dù đã hết-sức cố-gắng, chúng tôi cũng tự biết không sao tránh khỏi những thiếu-sót. Ước mong Quý-vị đồng-nghiệp vui-lòng chỉ bảo, để những lần tái-bản sau, cuốn sách được hoàn-hảo hơn. Chúng tôi xin chân-thành cảm tạ quý-vị.

Nhóm Biên-soạn Lừa-việt và
nhà Xuất-bản Cảnh-Hồng.



TUẦN LỄ 1

Ngữ-vựng

1.— TRƯỜNG HỌC

BAI ĐỌC.— Sáng nay, Hùng **cấp sách** tới **trường**. Trường học của em **rộng-rãi** và **mát-mẻ**. Vừa qua **cổng trường**, Hùng đã gặp mấy người bạn cũ. Trong sân, học-sinh **nô-đùa** vui-vẻ.

TẬP NÓI CHUYỆN.— Sáng nay, Hùng làm gì? — Trường học của em ra sao? — Lúc nào Hùng gặp mấy người bạn cũ? — Trong sân, học-sinh đang làm gì?

Danh-từ : trường học — cổng trường.

Tính-từ : rộng-rãi — mát-mẻ.

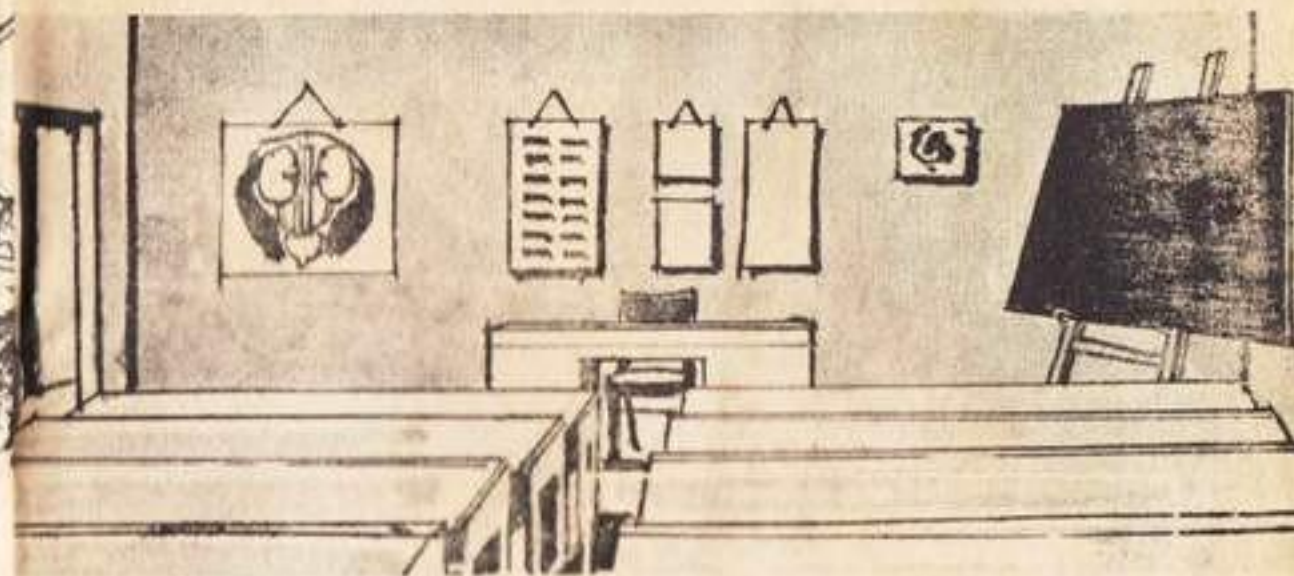
Động-từ : cấp (sách) — nô-đùa.

Ghi chú : Theo trình tự bài dạy ngữ-vựng được Bộ Giáo-dục phổ biến tới các trường Sư-phạm toàn quốc; từ lớp Ba trở xuống không dạy thành-ngữ, tục-ngữ, ca-dao.

GIẢI-NGHĨA.— **Cổng trường :** cửa lớn vào trường.
— **Cấp sách :** kẹp sách giữa cánh sườn và cánh tay.— **Nô-đùa :** chơi đùa.

BAI TẬP.— Chọn những tiếng đã học điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Hằng ngày, tôi... sách tới.... học. Trường tôi.... và... Gần... trường, có mấy học sinh đang.... vui vẻ.



Ngữ-vựng

2.— LỚP HỌC

BAI ĐỌC.— Lớp học của Hùng **sáng-sủa**. Trên tường có treo **tranh ảnh** đẹp. **Bàn thầy giáo** kê trước mặt học-trò. **Cạnh bàn thầy** là **tấm bảng đen**. **Bàn ghế học-sinh** được **sắp đặt ngay-ngắn**.

TẬP NÓI CHUYỆN.— Lớp học của Hùng thế nào? — Trên tường có gì? — Trước mặt học trò có kê cái gì? — Cạnh bàn thầy là cái gì? — Bàn ghế học-sinh được sắp đặt ra sao?

Danh-từ : bàn thầy giáo — bảng đen — tranh ảnh.

Tính-từ : sáng-sủa — ngay-ngắn.

Động-từ : treo (tranh ảnh).

GIẢI-NGHĨA : **Sáng-sủa :** có nhiều ánh sáng.— **Ngay-ngắn :** không lệch.

BAI TẬP.— Chọn những tiếng đã học điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Lớp học của em rất..... Trong lớp có treo nhiều..... đẹp mắt. Trước mặt học-sinh là..... thầy giáo và tấm..... Bàn ghế học-sinh được kê.....



Học-thuộc-lòng

TRƯỜNG LÀNG

Ngôi trường nằm sát ao làng,
 Tường vôi thấp-thoáng sau hàng tre xanh
 Cửa phen, nền đất, mái tranh,
 Mấy bồn hoa nhỏ vây quanh cột cờ.

DOÃN-NGỌC

Giải-nghĩa.— **Nằm sát:** nằm liền bên.— **Thấp-thoáng:** ý nói lúc ẩn, lúc hiện.— **Phen:** đồ đan bằng tre để che cửa.— **Bồn hoa:** chậu trồng hoa.

Câu-hỏi.— Ngôi trường nằm ở đâu?— Sau hàng tre xanh, người ta trông thấy gì?— Cửa, nền và mái trường bằng gì?— Quanh cột cờ có gì?

ĐẠI-Ý.— Tác-giả tả ngôi trường làng.

Phát-âm.— nằm sát — tường vôi — tre xanh — mái tranh — bao quanh.

Chánh-tả

BÀI 1.— TRƯỜNG LÀNG

Trường học xây ngay ở đầu làng, trên một khoảng đất rộng. Xung-quanh trường có hàng rào tre thưa. Trước trường là cái sân rộng, có cây to bóng mát.

Giải-nghĩa.— **Hàng rào tre:** hàng cây tre trồng chung quanh trường.

Nhận-xét chánh-tả.— xây — khoảng đất — hàng rào — bóng mát.

BÀI 2.— TRƯỜNG HỌC

Viết bài tập đọc 2.

Từ : «Bước vào sân trường..... bàn ghế sạch sẽ.»

Nhận-xét chánh-tả.— bước vào — Xinh — rửa — sạch sẽ.

Tập làm văn

Chọn những tiếng sau đây mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Bàn thầy giáo — rộng-rãi — tranh ảnh — bảng đen — mát mẻ.

Trường học em.....và.....

Lớp nào cũng có treo.....đẹp

Trước mặt học-trò là tấm.....

Cạnh bảng đen có.....

Tập viết

Viết chữ thường, khổ vừa

Bài 1.— i i—i

Bài 2.— i i—i



TUẦN LỄ 2

Ngữ-vựng

1— HIỆU-TRƯỞNG

BÀI ĐỌC.— Sáng nay, Hùng dẫn ba tới gặp ông hiệu-trưởng. Ông đang **thâu-nhận** đơn xin học tại **văn-phòng**. Ông **vui-vẻ** nói chuyện với ba Hùng. Khi ra khỏi **văn-phòng**, hai cha con thấy **mấy phụ-huynh học-sinh** đứng chờ **đề xin** cho con em vào học lớp **mẫu-giáo**.

TẬP NÓI CHUYỆN.— Hùng dẫn ba tới gặp ai? — Ông hiệu-trưởng đang làm gì? — Vừa ra khỏi **văn-phòng**, hai cha con trông thấy gì?

Danh-từ: hiệu-trưởng — **văn-phòng** — **phụ-huynh học-sinh**.

Tính-từ: **vui-vẻ**.

Động-từ: **thâu-nhận** (học-sinh) — **xin học**.

GIẢI-NGHĨA: **Hiệu-trưởng:** người đứng đầu một trường tiểu-học. — **Văn-phòng:** phòng làm việc của ông hiệu-trưởng. — **Thâu-nhận:** nhận vào.

BÀI TẬP.— Chọn những tiếng đã học điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Đứng đầu trường em là ông Ông làm việc ở Khi có đến học cho con em, ông hiệu-trưởng một cách



Ngữ-vựng

2 — GIÁO-CHỨC

BÀI ĐỌC — Năm nay, Bằng học **cô giáo**. Cô rất **tận-tâm**. Khi học-sinh làm bài xong, cô ngồi vào **bàn giấy** **chấm bài**, rồi **ghi điểm** của học-sinh vào **sổ ghi điểm**. Tuy làm việc **mệt-nhọc**, nhưng lúc nào cô cũng **vui-vẻ**.

TẬP NÓI CHUYỆN: — Năm nay, Bằng học thầy giáo hay cô giáo? — Cô giáo của em dạy-dỗ ra sao? — Khi học-sinh làm bài xong, cô làm gì?

Danh-từ: thầy giáo — cô giáo — **bàn giấy** — **sổ ghi điểm**

Tính-từ: **tận-tâm**.

Động-từ: **chấm** (bài) — **ghi** (điểm).

GIẢI-NGHĨA.— **Giáo chức:** tiếng chỉ chung những người dạy học. — **Tận-tâm:** hết lòng. — **Ghi điểm:** biên số điểm vào sổ.

BÀI TẬP — Chọn những tiếng đã học điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Lớp của Bằng do điều-khiển. Cô dạy rất Cô thường ngồi ở để bài cho học-sinh. Chấm xong, cô điểm vào

với người Tàu ở trong lịch sử, những chiến công lừng lẫy của lịch triều, chẳng qua là tình thế khiến phải ra sức tự vệ, chứ không phải là do lòng thương võ của quốc dân gây ra. Đến như việc chiếm cứ đất Chiêm-thành và Chân-lập thời phần nhiều là do công phu tầm thực rất kiên nhẫn của nông dân, chứ chiến tranh chỉ là để giữ lấy những miền đất đã lấn được bằng cách hòa bình thôi. Chế độ sương binh ở đời Lý, chế độ bách tính giai binh ở đời Trần, đều để binh lính bình thời ở nhà cày ruộng, đến khi hữu sự mới triệu ra. Lê Lợi đánh xong quân Minh, rồi thì giải tán quân đội cho về làm nông, Triều Lê và triều Nguyễn, quân lính thường dùng để khai khẩn đất hoang (1). Cứ thế thì nước ta xem việc dụng võ là bất thường và việc canh nông là cốt yếu, không như các nước Âu-châu khi nào cũng cường binh để võ mà chỉ toàn xâu xé nhau. Sau hết, một điều nữa chứng rằng dân ta vốn trọng hòa bình chủ nghĩa là xã hội rất khinh quân nhân mà chỉ quý văn sĩ.

Nông nghiệp lại còn gây cho ta một thứ nhân sinh quan rất kiện toàn. Người ta thì hoặc cho nhân loại là tiến bộ vô cùng, nên loài người cần phải ra sức phấn đấu tiến thủ (như người Âu-châu), hoặc cho nhân gian là mộng ảo bào ảnh, loài người không cần phải hành động làm gì (như người Ấn-độ), hoặc cho nhân sinh là chốc lát «như bóng sò, như gang tay», ta nên hành lạc kéo già không kịp hối (như bọn khoái lạc chủ nghĩa). Người Việt-nam thì có cái biến giải tâm thường mà chắc chắn hơn, là chỉ trông cậy vào con cháu để lưu truyền nòi giống và tiếp nối sự nghiệp của tổ tiên. Người ta đã có quan niệm ấy, thì sở dĩ làm việc thiện ở đời, sở dĩ có lúc hy sinh, không phải cốt cầu vĩnh phúc ở lai sinh

(1) Đồn điền và dinh điền.

như nhà gia-tô-giáo, cũng không mong giải thoát khỏi vòng luân hồi như nhà phật-giáo, mà chỉ cốt lưu chút phúc ăm cho con cháu về sau. Người có có lòng ác cũng không sợ ngày thăm phán cuối cùng hoặc là hình phạt ở địa ngục, mà chỉ sợ con cháu sau bị ác báo thôi. Cái quan niệm ấy rất phổ thông, chính là kết quả của gia tộc chủ nghĩa. Ta hãy xem ở trong lịch sử, cũng như ở trong truyện ký, tiểu thuyết hoặc hí khúc, thường thấy ở trong một gia đình, người gia trưởng hoặc cả nhà bị hại chỉ còn sót được một chút con trai di phúc là cực máu sớt của gia tộc, người mẹ hoặc bạn hữu phải nương náu ở tha phương mà chịu trăm cay ngàn đắng nuôi nấng cho thành người để mong vãn hồi gia tộc (1). Trong dân gian xưa nay ta vẫn thấy việc ấy xảy ra luôn luôn. Ở những cảnh huống nước mất nhà tan, chính nhờ cái quan niệm ấy mà hy vọng của người ta còn hăng hái mà khôi phục được cơ nghiệp. Ta có thể nói rằng trải những bước gian truân thảm họa, mà chủng tộc vẫn sống còn là nhờ cái nhân sinh quan ấy một phần lớn vậy.

Sau hết, văn hóa của ta còn một tính chất trọng yếu nữa là tính thường tồn (permanence). Văn hóa đời xưa thế nào thì đời nay vẫn thế, cơ hồ không vì thời gian mà thay đổi chút nào, đó lại cũng là kết quả của sự sinh hoạt nông nghiệp vậy. Vô luận về phương diện nào, ta vẫn thấy quá khứ còn sống ở hiện thời, cái tinh thần tồn cồ ấy vốn làm cho xã hội ta không tiến bộ được mau chóng như xã hội phương Tây, nhưng cũng chính nhờ nó mà trải qua những cuộc quốc tằng gia vong, không bao lâu cơ nghiệp lại hồi phục được.

(1) Trong lịch sử thì như việc Phạm Lệnh-Công đầu Xương-Ngập là con Ngô Quyền để khôi phục cơ nghiệp nhà Ngô; trong tuồng hát thì như ở tuồng Sơn-hậu, Lê Từ-Trình và Đông Kim-Lân phò bà Thứ-phỉ và Hoàng-tử để mong khôi phục nhà Tống.

Song dầu cái tinh thần tồn cở mạnh mẽ thế nào, dầu cái quan niệm bất biến bền vững thế nào, giữa lúc Đông Tây tiếp xúc này, ta cũng không thể chối cãi rằng mối liên lạc ấy đã đoạn tuyệt. Ở trước sức bức xúc của văn hóa hoạt động của Âu-châu thì cái văn hóa yên tĩnh của ta không thể nào đứng vững được. Nền tảng văn hóa cũ vì thế mà lay chuyển, khiến ta thỉnh thoảng thấy những chỗ yếu hèn và khuyết hám của nó bày ra. Năm cái đặc tính kể trên, xưa nay ở trong xã hội nông nghiệp vẫn có kết quả tốt, đến nay gặp những sự biến hóa kinh tế và xã hội theo công nghiệp và văn hóa khoa học của Âu-châu thì ta thấy nó hóa thành những tệ hại rất trở ngại cho sự sinh hoạt ở thời đại này.

Chế độ gia đình nhờ đó mà xã hội được bền chặt, quốc gia được mạnh mẽ ở thời đại bế quan tỏa cảng; đến thời đại thế giới khai thông này thì lại là một nguyên nhân yếu hèn. Vì nó làm cho cái tính của người ta tiêu trầm, khiến người ta không có tư cách độc lập và tự tôn, cho nên ra ở đời không có nhiệt tâm tiến thủ và năng lực cạnh tranh. Người ta quen thói ỷ lại và ký sinh ở gia đình, nhất đán là gia đình thì thành người thất cước. Và chẳng thói ỷ lại ấy khiến người ta ăn thì nhiều mà làm thì ít, nên kinh tế không thể phát đạt được mà suy lẩn. Tinh thần gia tộc đậm đà khiến tinh thần quốc gia và xã hội bạc nhược, cho nên trừ việc gia đình ra thì quốc dân chỉ như một đồng cát rời, không có tinh thần hợp quần đoàn kết. Vì những kết quả xấu ấy cho nên ngày nay nhiều phần tử thanh niên đã có tư tưởng cải tạo gia đình, cốt đánh đổ những thói gia đình áp chế mà biểu dương nhân cách của cá nhân. Vậy ta có thể nói rằng vì ảnh hưởng Âu hóa, vì sức thúc dục của những điều kiện sinh hoạt mới, xã hội ta đương có khuynh hướng tự gia đình bản vị bước dần sang cá nhân bản vị.

Đến cái thói căn cứ cảm tình của ta mà xưa nay người ta vẫn cho là cái chứng cớ phong thuần tục hậu, thì nay ta cũng thấy nó đã bị lay chuyển nhiều rồi. Ở trong gia tộc bà con ăn ở với nhau chỉ cốt cảm tình, nhưng ngày nay tinh thần gia tộc đã phai nhạt, mà tình trạng sinh hoạt khó khăn cũng không cho người ta có thể nuôi bảo cô một đồng bà con ký sinh, du nọa như xưa nữa. Trong việc giao thiệp với người đương hàng xóm cùng những việc vay mượn buôn bán, xưa kia người ta cũng chỉ trọng cảm tình, chỉ căn cứ vào lòng tín nghĩa; ngày nay cuộc sinh hoạt phức tạp, cuộc giao thiệp phiền hà, người nào cũng phải chăm lo lợi ích của mình, cho nên không thể chỉ bằng vào một lòng tin mà phải nhờ đến pháp luật. Dù cảm tình đáng quý và đã tỏ cho xã hội ta một cái phần sức thuần hậu, nó cũng không thể nào chống lại được cái lòng lợi và cái khuynh hướng pháp trị của người hiện thời.

Cái tính ưa chuộng hòa bình đao giở cũng quý, vì loài người sinh ra không phải để chém giết nhau. Nhưng cái tính ấy lại có thể biến thành tính nhu nhược, cầu thả, lầy lắt, nhần nhục, vô si, khiến người ta ngộ sự không có chút lòng hăng hái phấn đấu nào. Nhưng ngày nay những điều kiện sinh hoạt mới bắt người ta phải cạnh tranh, phải phấn đấu để mưu sống còn, những cuộc tranh đấu về kinh tế, về chính trị, về xã hội, ta thấy xuất hiện một ngày một nhiều. Vậy nên chủ nghĩa vô vi của Lão-tử, chủ nghĩa trung dung của Khổng tử, chủ nghĩa phi chiến của Mặc-tử, chủ nghĩa từ bi của Thích-ca, đối với người đời nay, họ cho là những lý thuyết mộng tưởng vu khoát.

Sau hết đến cái nhân sinh quan lưu âm là một đặc tính rất cảm động của văn hóa ta, ngày nay cũng đã suy theo gia tộc chủ nghĩa. Quan niệm của người đời nay thiết thực hơn, đối với con cái, người ta (chỉ những phần tử giác ngộ)

chăm lo nuôi nấng và dạy bảo để cho nó thành người, chứ không tưởng gì đến điều « đê phúc » cho con cháu. Người đời trước, tuy rằng cái hạnh phúc hiện tại của con cái vị tất đã gây nên cho nó, nhưng làm được một điều phúc đức còn con có thể mong lưu âm cho nó, thế là đã mãn túc rồi. Ngày nay người ta chỉ mong mãn túc ở nhân tiền và chỉ trông mong ở con cái bằng vào tư cách và tài năng của nó thôi.

Ta xem thế thì năm tính chất đặc biệt kể ở trên là đặc sắc của văn hóa Việt-nam, ngày nay đang ở trong tình trạng biến hóa, dầu ta có muốn duy trì cho mấy thì điều kiện sinh hoạt mới cũng cứ lôi kéo nó đi không ngừng. Trong mấy nghìn năm nay, văn hóa dầu rằng có biến, nhưng cái cốt tủy thì vẫn không lung lay, bởi vì xã hội nông nghiệp, xã hội tự cấp tự túc, xã hội an cư lạc nghiệp xưa nay vẫn ở trong hoàn cảnh bế quan tự thủ, chưa từng tiếp xúc với thế giới, mà chỉ giao thiệp với Trung-quốc là nước đồng văn mà lại cùng một tình thế. Còn đối với Chiêm-thành, Chân-lạp, Ai-lao là những nước văn hóa hoặc đương suy hoặc còn kém thì sự tiếp xúc với họ không có ảnh hưởng gì quan trọng cho văn hóa ta. Ngày nay, ta tiếp xúc với Tây-phương, với văn hóa phú cường của họ, với những sức mạnh vật chất cùng những tư tưởng khoa học chính trị và xã hội của họ, thời văn hóa cũ vì yếu hèn hơn, không duy trì nổi mà phải biến hóa là lẽ tất nhiên. Nhưng sự tiếp xúc với văn hóa tây phương không phải là mới bắt đầu từ khi nước ta bị nước Pháp chinh phục. Nay ta thử xét lùi lại trong lịch sử xem cuộc hội ngộ đông tây ấy trải qua con đường thế nào mà đến kết quả ngày nay.

« Từ thế kỷ thứ 16, nhà hàng hải Âu-châu đã biết duyên hải Ấn-độ-chi-na, nhưng sự giao thiệp giữa người Việt-nam với người Tây-phương đến thế kỷ 17 là khi bắt đầu

cuộc Trịnh Nguyễn phân tranh mới thành tiếp tục. Người Âu-châu bấy giờ đến nước Việt-nam là lái buôn hoặc giáo sĩ» (1). Các lái buôn đến đầu tiên là người Bồ-đào-nha, hay đi lại buôn bán ở Đường trong, do cửa bể Faifo là nơi có người Tnung-hoa và Nhật-bản lui tới đã lâu. Nhưng họ chỉ đến buôn bán nhất thời rồi trở về Áo-môn (Macao) nên không có ảnh hưởng đến văn hóa bản xứ mấy. Năm 1615, mấy giáo sĩ Dòng Tên (Jésuites) theo các lái buôn người Bồ-đào-nha đến Đường trong, nhờ chúa Sãi-vương dung nạp nên công việc truyền giáo của họ rất đắc lực. Năm 1625, họ định ra Đường ngoài, rồi năm sau, cố Alexandre de Rhodes đến bắt đầu tuyên truyền ở Bắc. Ông này là người sáng tạo ra chữ quốc ngữ nên đối với cuộc Âu hóa của nước ta có công rất lớn; mà đối với sự nghiệp của đế quốc chủ nghĩa ở nước ta, vì những sách ông viết về ngôn ngữ, địa lý và lịch sử Việt-nam, ông ấy cũng là người đại công thần. Nhưng ông ở Đường ngoài được ba năm thì chúa Trịnh Tráng ở Bắc, chúa Công-Thượng-vương ở Nam, hạ lệnh cấm đạo và bắt giáo sĩ, vì hai bên Trịnh Nguyễn đều nghi rằng họ giúp sức bên kia để đánh bên này. Ta có thể nói rằng đó là phản động đầu tiên của người Việt-nam đối với ảnh hưởng của Âu-châu. Từ đó đến cuối thế kỷ 18, các giáo sĩ, các tín đồ cơ đốc giáo, cùng các lái buôn Âu-châu, khi thì được dung, khi thì bị hại, hoặc vì các vua chúa bản xứ nghi họ giúp bên địch, hoặc vì không thấy họ giúp cho mình vừa ý, nhưng nhất là vì các quan và các hòa-thượng thấy cơ đốc giáo rất trái với Khổng giáo và Phật giáo, và có hại cho quyền uy của họ, nên họ yêu cầu các vua chúa cấm chế « tả đạo » của phương Tây, và cự tuyệt những lái buôn Âu-châu là kẻ đem đường cho giáo sĩ.

(1) Histoire moderne du pays d'Annam, par Ch. B. Maybon.

Đến cuối thế kỷ 18, Nguyễn-Ánh hiểu rõ sức phú cường của Âu-châu, bèn nhờ giám-mục Bá-da-lộc đem người Pháp giúp cho đề đánh Tây-sơn; rồi khi thắng trận, cho người Pháp được tự do truyền giáo và buôn bán. Nhưng trừ hai điều ưu đãi ấy ra, thì vua và triều đình, khi sửa sang gây dựng quốc gia thì lại không chịu ảnh hưởng của người Pháp chút nào. Về binh bị, những súng đạn, bác và tàu chiến của người Pháp giúp, bấy giờ không cần dùng nữa, nên chỉ giữ làm vật trần thiết, còn các võ quan người Pháp thì vua có ý xa lánh không dùng nên họ lần lượt đi hết. Mọi việc sắp đặt chính trị văn hóa, vua Gia-long đều bắt chước Trung-quốc, cho đến pháp luật (Luật Gia-Long) cũng là chép lại hầu hết bộ luật của nhà Thanh. Trãi các đời Minh-mệnh, Tự-đức, từ vua quan đến sĩ phu, đối với người phương Tây và Cơ đốc giáo, nhất thiết hoài nghi và khinh thị, một mặt thì thấy gương Ấn-độ mà sợ người phương Tây lui tới rồi sẽ dò ngón xâm lược đất đai, một mặt thì cho Cơ đốc giáo là « đạo rối.... làm tà vạy nhân tâm, phá hoại mỹ tục » (1), cho nên phàm người ngoại quốc đến cầu thông thương giao hảo đều nhất thiết từ chối, còn đối với giáo sĩ và tín đồ Cơ đốc giáo thì hết sức cấm ngăn. Ở thời kỳ thế kỷ 19 này, cũng như ở thời kỳ trước về thế kỷ 17, 18 vua quan Việt-nam có dung nạp người Âu-châu là chỉ cốt lợi dụng võ lực của họ, đến khi, hoặc không lợi dụng được, hoặc không cần lợi dụng nữa, thì lại đòi ngay thái độ, chứ không phải có nhận thấy chỗ sở trường của văn hóa Âu-tây mà hoan nghênh.

(1) Dự cấm đạo năm 1825 của Minh-mệnh : « Đạo rối của người Tây làm mê hoặc lòng người. Lâu nay nhiều chiếc tàu Tây đến buôn bán và đưa những giáo sĩ giả tạo vào nước ta. Giáo sĩ ấy làm tà vạy nhân tâm, phá hoại mỹ tục, thiệt là mối hại lớn cho nước nhà. Bởi vậy trẫm phải lo trừ tuyệt những sự tình tệ đó, hầu giữ gìn dân ta không lầm lạc chính đạo. Khâm thủ ». (Việt nam tây-thuộc-sử).

Sau khi nước Pháp chinh phục Nam Việt làm thuộc địa, Bắc Việt và Trung Việt làm xứ bảo hộ, tuy về võ lực và chính trị thì vua quan đã chịu áp phục, tuy cuộc Cần-vương khởi-nghĩa đã thất bại rồi, thế mà nhân sĩ trong nước vẫn không chịu nhận những sở đoản của văn hóa xưa mà dung nạp văn hóa tây phương. Bấy giờ những kẻ theo Chính-phủ Pháp, học chữ Pháp hay chỉ học chữ quốc ngữ, đối với sĩ phu và nhân dân đều bị xem là kẻ phản quốc vong tổ. Mà thực ra những hạng người ấy, học võ vẽ được ít nhiều tiếng Pháp, có thể làm « thông ngôn » được, là được Chính-phủ Pháp tin dùng mà cất nhắc lên những địa vị cao quý, phần nhiều là kẻ bất lương là bọn tiểu nhân đặc chí, cho nên thấy vậy, sĩ phu và nhân dân lại càng thêm kỳ thị Âu hóa thêm.

Mãi đến đầu thế kỷ 20, thấy Nhật-bản học theo phép phú cường của Âu Mỹ mà đánh được Trung-quốc là nước lớn nhất ở Á-châu, và Nga-la-tư là một nước lớn ở Âu-châu, phái cựu học mới hiểu rằng muốn cho nước trở nên giàu mạnh thì phải dung nạp Âu-hóa. Bấy giờ lại nhờ những sách của Khương Hữu-Vi và Lương Khải-Siêu là hai nhà cải cách có tiếng ở Trung-hoa, do Hoa-kiều truyền vào nước ta, mà họ biết được một thứ nho giáo mới và những tư tưởng tự do bình đẳng của các nhà học giả cách mệnh nước Pháp (Voltaire, Montesquieu, Rousseau, Diderot). Thế rồi sĩ phu trở lại trách Chính-phủ Pháp không muốn khai hóa cho dân ta, không muốn dạy cho người Việt-nam những học thuật và phương pháp phú cường, mà chỉ chăm đào tạo lấy một lớp người tôi tớ dễ sai khiến. Các văn thân duy tân bấy giờ chia làm hai phái, một phái chủ trương sang học ở Nhật-bản những điều mà người Pháp không chịu dạy cho mình, đề về mà mưu khôi phục độc lập và cải tạo quốc gia, tức là phái chủng tộc cách mệnh (Phan Bội-Châu); một phái thì chủ

trương cải cách, xin Chính-phủ cải lương chính trị và giáo dục, và cổ động cúp tóc, mặc âu trang, lập hội buôn, học quốc ngữ v. v. (Phan Châu-Trinh). Trước thái độ của sĩ phu như thế, Chính-phủ Pháp phải thi hành một cách sách khai hóa dần dần. Sau cuộc Âu-châu đại-chiến thì từ việc hương chính (cải lương hương chính) đến quốc chính (lập các viện Dân-biểu ở Bắc Việt và Trung Việt), từ việc học hành (bỏ khoa cử, lập học đường) đến việc kinh tế (nhà máy, đồn điền, đường xe lửa), cho đến sự sinh hoạt hàng ngày của nhân dân, ta đều thấy có huynh hướng âu hóa một ngày một rõ rệt.

Cái hiện tượng âu hóa ấy sẽ kết quả thế nào? Hay nói một cách khác, tấn kịch tân cựu giao thừa sẽ kết cục thế nào? Đối với vấn đề ấy, chưa thể tìm ra một đáp án nhất quyết được. Nay chỉ xin theo những ý kiến phổ thông mà chia ra ba khuynh hướng trọng yếu như sau này :

Theo khuynh hướng thứ nhất thì từ khi nước ta tiếp xúc với văn hóa tây phương, ta thấy rằng các nước Âu-Mỹ sở dĩ phú cường mà dễ chế được thế giới là nhờ văn hóa vật chất của họ là cái văn hóa phú quốc cường binh. Nước Nhật-bản ở Đông-phương vì biết bắt chước cái văn hóa vật chất ấy, cho nên chỉ trong nửa thế kỷ mà đã thành một nước phú cường. Song Nhật-bản chỉ bắt chước của Âu-châu những khoa học và kỹ thuật, mà vẫn giữ vững nền tinh thần văn hóa của Đông-phương, cho nên văn hóa vật chất không thể làm cho xã hội tổ chức của họ lay động vỡ lở. Nước ta từ non nửa thế kỷ, nhờ nước Pháp dẫn đạo nên cũng đã tiến bộ về vật chất ít nhiều, nhưng đồng thời các phần tử thanh niên lại say mê những tư tưởng học thuyết mới mà không giữ luân lý lễ giáo xưa, cho nên gia đình xã hội hay bày ra trạng thái đảo điên biến loạn. Ta muốn trở nên một

nước cường thịnh vừa về vật chất vừa về tinh thần thì phải giữ văn hóa cũ làm *thề*, mà lấy văn hóa mới làm *dụng*, nghĩa là phải khéo điều hòa tinh túy của văn hóa đông-phương với những điều sở trường về khoa học và kỹ thuật của văn hóa tây phương.

Nhưng lại có kẻ khác trả lời ngay rằng : cuộc điều hòa ấy là một điều mộng tưởng. Trong văn hóa của một dân tộc ta không thể phân tách những điều tinh thần và vật chất là hai phương diện có liên quan mật thiết với nhau. Nước ta sở dĩ hèn yếu không phải chỉ vì chính trị và kinh tế mà chính nguyên nhân hèn yếu lại là cái tinh thần của văn hóa cũ là những luân lý lễ giáo, tư tưởng học thuật cò nhủ đã ràng buộc đè nén dân tộc ta xưa nay. Nước ta không phải chỉ nên bắt chước tây phương những phương pháp khoa học và kỹ thuật của họ mà cũng phải du nhập những tư tưởng học thuật của họ nữa, vì văn hóa tây phương cũng có một phần tinh thần rất cao thượng và mạnh mẽ là những tư tưởng bác ái, bình đẳng, tự do, cùng tinh thần khoa học, không thể tách riêng với những chế độ, khoa học và công nghệ của họ được.

Lại có một hạng người thứ ba, tuy cũng nhận rằng văn hóa hủ bại, tối tăm hèn yếu của ta xưa, về vật chất cũng như về tinh thần, đều đã đến thời suy đốn, không thể chống nổi được với sự cạnh tranh của văn hóa tây phương, cho nên ta đã không nên tiếc nữa mà dù có người tiếc cũng không thể nào vãn hồi được. Nhưng cái văn hóa tây phương mà người ta muốn hoàn toàn du nhập đó, ta cũng nên nhận rõ giá trị của nó là thế nào, trước khi hăm hở hoan nghênh. Người Âu-châu ngày nay họ đã hoài nghi cái văn hóa phú cường chỉ đem người ta đến những cuộc xung đột ghê gớm, ở trong thì giai cấp tranh đấu, ở ngoài thì quốc tế chiến

tranh, văn hóa phú cường càng tiến bộ chừng nào thì nó lại cung cho những cuộc xung đột ấy những lợi khí tàn ác khốc liệt chừng ấy. Chính ở nước ta ảnh hưởng của văn hóa tây phương (nhất là về xã hội và kinh tế) gần đây cũng đã gây thành những cuộc rắc rối về vấn đề xã hội. Xem thế thì đi theo con đường đã qua của Âu-châu cũng không phải là phương tiện thích đáng. Song tình trạng khó khăn ấy không phải riêng gì cho dân tộc ta, mà là chung cho phần nhiều dân tộc trên thế giới. Cứ xem hiện trạng các dân tộc và cuộc diện quốc tế ngày nay thì thế giới đương ở vào kỳ kịch phát của bệnh trầm kha. Giữa cái cảnh đau đớn nguy nan này, nếu có ung đúc một thứ văn hóa toàn nhiên mới mẻ thì mới cứu sống thế giới được.



Ba khuynh hướng kể trên là phản chiếu ba thái độ của ba hạng người : đông tây dung hợp, hoàn toàn của âu hóa và triệt để cách mệnh. Bây giờ ta thử xét qua xem cái bối cảnh xã hội của những tư tưởng ấy là thế nào. Xã hội ngày nay là kết quả của những ảnh hưởng văn hóa tây phương phụ vào cái nền tảng xã hội cũ. Những ảnh hưởng ấy đã gây thành rất nhiều sự biến thiên, trong tất cả các phương diện sinh hoạt, đây chỉ xin lược cử những điều đại cương.

Xưa kia, sự phân biệt các hạng người trong xã hội căn cứ vào chức vụ của người ta, cho nên xã hội chia ra tứ dân : sĩ, nông, công, cò. Hạng cò (thương nhân) bị khinh miệt hơn cả ; nhưng đối với hạng sĩ (quan liêu và sĩ phu), ba hạng nông, công, cò cũng đều là dân bạch đình, duy hạng sĩ là có tiền của nhiều, đất ruộng lắm, lại có quyền lợi đặc biệt, cho nên ta có thể nói rằng xã hội cũ chỉ có hai bậc người : trên là bậc sĩ tức quý phái, dưới là bậc thường dân, chứ ở giữa

không có bậc trung lưu như ở xã hội hiện đại các nước Tây-phương. Nhưng bậc quý phái ấy không phải là một giai cấp cố định, vì chế độ khoa cử mở rộng cửa cho tất cả mọi người, con quan cũng như dân, nếu có học thức tương đương thì đều được gia nhập giai cấp thứ nhất (1). Lại thêm chế độ gia tộc làm cho bốn bậc người trong xã hội tiếp cận nhau luôn, vì con cái một nhà có khi chia nhau mỗi người ở vào một bậc sĩ, nông, công, cò. Hiện nay thì tình hình khác hẳn, nhất là ở các thành thị lớn như Sài-gòn, Hà-nội, gần đây đã sinh một hạng người mới, gồm những người giàu có, hoặc là quan lại cao cấp, hoặc là các nhà điền chủ, các nhà đại thương, các nhà thầu khoán, các nhà doanh nghiệp, các nhà y-sĩ, trạng-sư, kỹ-sư v.v. Điều kiện sinh hoạt mới buộc những người ấy phải có ít nhiều học thức. Con cái họ thì trước khi ra đời thường đã học đến bậc trung học hay đại học, hoặc đã tốt nghiệp ở các trường thương mại và kỹ nghệ lớn rồi đến ra đời, họ thường chiếm những địa vị và chức nghiệp có quyền lợi và bổng lộc nhiều. Các gia đình giàu có ấy hợp thành giai cấp trung lưu mới, Trong chính giới họ là người có thể lực nên Chính-phủ tưởng như chỉ dựa vào họ mà trị nước.

Bọn trung lưu ấy, vốn đời trước là ở nhà quê, nhưng dần dần họ là hân quê quán xưa mà định cư ở thành thị là trường hoạt động của họ, cho nên đối với lễ giáo và tục lệ cũ, họ không còn câu nệ như tổ tiên nữa. Một số nhiều thanh niên trung lưu chịu giáo dục mới, nhiễm tư tưởng tự do và cá nhân chủ nghĩa của Tây-phương nên họ bài bác kịch liệt những giá trị xưa mà sinh hoạt theo

(1) Trừ ra con nhà phường hát (xướng ca vô loại) và con nhà làm đi thì không được thi.

điều kiện tinh thần và vật chất mới. Họ đã quen thích những nhà cửa kiểu tây, có lầu, có buồng tắm, đèn điện quạt điện, có giường lò xo, có ghế bành rộng rãi. Cách trần thiết trong nhà thì họ hoàn toàn theo thức mới. Đi ra ngoài thì họ hay dùng xe hơi. Trong sự xã giao thì cử chỉ dáng điệu cũng bắt chước Tây, lễ phép xưa ngăn cách trai gái già trẻ bằng những bức tường nghiêm mật, đối với họ không có ý nghĩa gì nữa. Thanh niên đã kết hôn thì phần nhiều ở riêng; tiếp đãi bạn bè thì họ mời đến cao lầu phạn điểm; ngày đi làm việc, tối thì hoặc họ đi xem chiếu ảnh, hoặc họ đi dự dạ hội. Theo xưa đàn bà con gái phải ở gia đình, mà trong khoảng nam nữ phải giữ phép « thụ thụ bất thân » ngày nay thì một số đông nam nữ thanh niên tự do dắt nhau đi chơi hoặc ôm nhau khiêu vũ. Đàn bà con gái đi xe đạp, cầm xe hơi, mặc may-ô tắm biển, là những điều thường thấy. Về y phục thì đàn ông trung lưu hầu hết theo lối tây, còn đàn bà con gái cũng đã bỏ lối xưa mà theo một « tân thời ». Kiểu áo Lơ-muya cùng giày giép cao gót dùng rất phổ thông. Quần áo mới ấy cốt phô vẻ đẹp tự nhiên của thân thể và khiến con người đi đứng có vẻ yểu điệu thướt tha. Những áo cụt tay và hở cổ cũng đã có một số ít đàn bà dùng đến.

Về việc hôn nhân thì sự tùy ý kết hôn càng ngày càng phổ thông. Những con trai có chức nghiệp phần nhiều tự mình chọn vợ, rồi xin cha mẹ nhận cho. Nếu không có đủ phương tiện, thì họ cũng xin phép cha mẹ cưới cho được người vừa ý, mà cha mẹ, tuy vẫn trọng điều « môn đương hộ đối », nhưng cũng không đến nỗi ép uòng nhân duyên coa cái theo ý mình. Những cặp trai gái tự do kết hôn thì thường ở xa nhà cha mẹ, mà người vợ bây giờ không phải làm dâu, song vẫn phải ở dưới quyền uy của chồng. Nếu người vợ có

chức nghiệp thì quyền chồng hơi giảm. Cái khuynh hướng tự do luyện ái và tự do giao thiệp của trai gái trung lưu lại nhân ảnh hưởng của những phim ảnh về ái tình và những tiểu thuyết về tính dục mà thành quá lạm, nhiều khi đi hại.

Ta xem thế thì thấy giai cấp trung lưu ở thành thị ngày nay theo một cách sinh hoạt tự do và xa xỉ hơn cách sinh hoạt của xã hội nông nghiệp xưa nhiều. Đối với văn hóa tây phương, họ chăm du nhập những điều cần dùng cho họ; điều kiện sinh hoạt vật chất của họ dồi dào chừng nào thì lòng hâm mộ của họ đối với văn hóa tây phương càng nồng nàn chừng nấy. Nhưng ta nên nhận rằng giai cấp ấy hãy còn non nớt, chưa có kinh nghiệm lâu năm, nên sự nghiệp của họ không có tính chất to lớn vững vàng như sự nghiệp của giai cấp trung lưu ở các nước Âu Mỹ.

Trái với giai cấp trung lưu, ở các thành thị cùng những nơi công nghệ trung tâm, lại mới sinh ra một giai cấp lao động công nghiệp. Những nhà máy ở Hải-phòng, Nam-định, Hà-nội, Chợ-lớn, Sài-gòn, Vinh, cùng những sở mỏ, những sở trồng cao su, dùng người lao-dộng một ngày một đông. Những thợ thuyền và cu-ly ấy là tự nhà quê tự đến mà các phẩm vật do các nhà máy chế tạo cùng với phẩm vật công nghệ ngoại quốc thì bán đi khắp mọi nơi, cho nên công nghệ mới không những chỉ ảnh hưởng đến sự sinh hoạt của công nhân, mà ảnh hưởng đến cả tâm lý và tập quán của toàn thể nhân dân trong nước.

Xưa kia, tiền bạc của dân nằm ở trong đất ruộng và các nghề thủ công ở địa phương, ngày nay tiền của phần nhiều rút về thành thị dùng vào các công xưởng, các thương điểm, các nhà cửa cho thuê. Bởi vậy nhà quê càng ngày càng nghèo lẫn, nhiều nơi cả tông chỉ có chừng một vài người gọi

là « có máu mặt ». Dân nghèo ở nhà quê lại thường gặp những tai nạn thiên nhiên, như lụt, hạn, mất mùa, nên nhiều người bỏ làng đến thành thị để mong tìm công việc làm thuê, gặp điều kiện khắc bạc thế nào cũng phải chịu. Xưa kia ở nhà quê, gia đình đoàn tụ, bà con đỡ đần giúp đỡ nhau trong cảnh nghèo khổ, già yếu hay tật nguyền. Ngày nay họ chen chúc ở xung quanh công xưởng, trong tình cảnh tứ cố vô thân, giữa trường cạnh tranh kịch liệt, lúc khoẻ thì còn có thể kiếm việc làm ăn, rồi đến khi đau ốm hay tàn tật thì không thể nhờ cậy vào đâu được. Người nông phu tuy làm lụng khó nhọc cả ngày, nhưng khi làm việc còn có không khí trong sạch mà thở; đồ ăn tuy chỉ có cơm hầm và rau cỏ, nhưng còn tươi tắn và có chất bổ ít nhiều. Thợ thuyền ở nhà máy, cu ly ở sở mỏ thì làm việc ở trong không khí tù túng; ở thì chen chúc trong những gian nhà không cửa, hay trong những túp tranh sát nhau; ăn thì cơm gạo máy và rau úng cá khô (Cu-ly ở các sở cao su tuy làm lụng ở ngoài trời, nhưng sự ở và ăn cũng tương tự với tình trạng lao động công xưởng). Những điều kiện sinh hoạt ấy không những hại cho sức khỏe của người lao động, mà còn hại về phương diện đạo đức nữa: những ồ ề nghèo khổ ở các thành thị lớn vừa là ồ ề tật bệnh, ồ ề tội ác và ồ ề mĩ dâm.

Từ năm 1937, ở Đông-pháp thì hành chút định luật xã hội, thì điều kiện làm việc của dân lao động có khá hơn trước. Hiện nay dân lao động, tuy chưa có quyền tổ chức Công-đoàn để bênh vực quyền lợi đối với chủ thuê, nhưng cũng có thể tổ chức hội Ái-hữu để giúp đỡ lẫn nhau trong cảnh cùng khổ. Sự đồng minh bãi công là cái lợi khí phổ thông của lao động đối với nhà tư bản, dẫu pháp luật không thừa nhận; nhưng thợ thuyền cũng thỉnh thoảng phải dùng, để yêu cầu sửa đổi điều kiện làm thuê.

Giai cấp trung lưu và giai cấp lao động công nghiệp là sản vật trực tiếp của văn hóa mới. Bây giờ ta thử xem đối với dân quê là phần đại đa số trong nước xưa nay (trên 90 phần 100) thì ảnh hưởng Âu hóa đã khiến điều kiện sinh hoạt của họ thay đổi thế nào? Ở nhà quê sự sinh hoạt không thay đổi bằng ở thành thị, nhưng người nông dân trước kia trồng lúa mà ăn, dệt vải mà mặc, dùng tre tranh trong vườn mà làm nhà; đến bây giờ thì lúa làm ra phải đem bán để mua lại những vật cần dùng khác do các lái buôn đem ở thành thị đến. Những vật cách mười lăm, hai mươi năm nay họ cho là kỳ dị, như xe đạp, đèn bin, bình tét-mốt, ở nhà quê đã có người dùng. Xà-phòng, diêm, thuốc lá tây thì hầu khắp nơi đều có. Đi xa, nhiều người đã quen dùng xe hơi, xe lửa, tàu thủy. Còn những kiểu, cày và ngựa là những đồ đồ dùng chuyên chở đời xưa đã mất hẳn hoặc thành vật hiếm hoi. Nghề làm ruộng, nhất là ở Nam Việt đã biết lợi dụng ít nhiều phương pháp mới do sở Canh-nông thí nghiệm. Nghề tằm tang thường dùng giống tốt của sở Canh-nông phát ra. Nghề dệt cử thì mua sợi làm ở nhà máy; và có nơi dùng đến cả tơ nhân tạo. Những miền ruộng cao, trước kia hay bị hạn thì nay nhiều nơi có công cuộc dẫn thủy nhập điền của Nhà-nước kinh dinh, nên số thu hoạch gia bội. Số nông-dân giao thiệp với Nông-phổ ngân-hàng càng ngày càng nhiều. Ở đôi nơi Nhà-nước đứng tổ chức những Hợp-tác xã (coopérative agricole) để giúp cho nông dân tiêu thụ sản vật. Một số thanh niên nhà quê từng học hành hay làm ăn ở thành thị, khi trở về làng ra sức cổ động việc cải lương hương tục có nơi đã bỏ hẳn được những tục đình đám, khao vọng, tranh ngôi giành phần. Sự học quốc ngữ ở hương thôn đã thay sự học chữ Hán xưa; hiện nay cứ năm ba làng thì có một trường để dạy phép viết và thường thức phổ thông cho trẻ con nhà quê khi nó chưa đến tuổi làm ruộng.

Cứ những sự tình kể trên thì ta thấy rằng thái độ nông dân, hay nói chung, thái độ của người Việt-nam đối với văn hóa tây phương nay đã khác hẳn hồi mới tiếp xúc.

Dân quê không xem người Pháp là một giống người dễ sợ, không xem phẩm vật của họ là đồ mầu nhiệm quái gở nữa; sĩ phu cũng không xem những tư tưởng phong tục của họ là lỗ lã kỳ cục và bại lý thương luân nữa. Từ rày về sau, sự Âu hóa của xã hội ta còn sâu xa thêm, ta chưa có thể dự đoán nó đến đâu là cùng, cũng không thể dự trắc được những điều khó khăn sẽ xảy ra. Nhưng có một điều ta có thể chắc là trong cái văn hóa mới của thế giới sau này — văn hóa nước ta cũng dự một phần trong ấy — người ta không thể cho rằng Đông là hơn hay Tây là hơn, và những điều phân biệt và kỳ thị đông tây sẽ tiêu diệt hết.



SÁCH THAM KHẢO

Quốc văn :

Đông-tây căn-hóa phê bình (Quan-hải tùng-thư, Huế).
 Những bài luận về đông-tây văn-hóa của Phạm Quỳnh trong
Nam-phong tạp-chí.
 Báo chí : *Nam phong tạp-chí*, *Tiếng-dân*.

Hán văn :

Đông-tây văn-hóa phê-bình (Đông - phương văn - khố, Thượng-hải).
Đông-tây văn-hóa cập-kỳ triết-học, Lương Thấu-Minh (Thượng-hải).
Trung-quốc văn-hóa tiêu-sử, Thường Nãi-Huệ (Thượng-hải).
Trung-quốc chí vũ-trạ-quan, Thôi Triều-Khánh (Thượng-hải).
Trung-quốc chính trị tư tưởng, Lưu Lân-Sinh (Thượng-hải).
Âu-châu tư-tưởng đại-quan (Thương-vụ ấn - thư - quán, Thượng-hải).
Cận-đại tư-tưởng giải-phẫu (Thương-vụ ấn-thư-quán, Thượng-hải).
Hồ Thích văn-tồn (Á đông đồ-thư-quán, Thượng-hải).
Hồ Thích luận-học cận-trước (Thương-vụ ấn-thư-quán, Thượng-hải).
Ấm-băng-thất văn-tập, Lương Khải-Siêu (Thượng-hải).
Lương Nhiệm-Công cận-trước (Thượng-hải).
Ngô-Trí-Huy văn-tồn (Thượng-hải).

Nhân-sinh triết-học, Lý Thạch-Sâm (Thượng-hải).
Hiện-đại luận-văn-tùng-san (Văn-minh Thư-cục, Thượng-hải).

Pháp văn :

Essai franco-annamite, par Phạm-Quỳnh (Đắc-lập, Hué).
Préface du Kim Vân-khieu, par R. Crayssac (Lê Văn Tân, Hanoi).

Psychologie du peuple annamites, par Paul Giran.
Dans l'Asie qui s'éveille, par François de Tesson.
Discours de Albert Sarraut du 27 Avril 1919, prononcé à la pagode de Sinh-từ à Hanoi.

Au pays d'Annam—Les dieux qui meurent par Pierre Varet.
Les destinées de l'individu, par P. Varet (Librairie du Recueil Sirey, Paris).

Orient et Occident, par René Guénon (Editions VEGA, Paris).

Les appels de l'Orient (Cahier du mois, Paris).
Nationalisme, par Rabindranath Tagore (André Delpench, Paris).

La jeune Inde par Gandhi (Librairie Stock, Paris).
Le Réveil national ou la Chine (Les Presses universitaires de France, Paris).

La Chine, passé et présent, par Jean Escarra (Armand Colin, Paris).

L'invasion de la Chine par l'Occident, par E. R. Hughes, (Payot, Paris).

L'esprit du peuple chinois, par Kou-Koung-Ming (Librairie Stock, Paris).

Les idéaux de l'Orient, par Okakura (Stock, Paris).

Principe unique de la science et de la philosophie d'Extrême Orient, par Kakuazawa (Librairie philosophique J. Vrin, Paris).

MỤC LỤC

LỜI TỰA. VII

THIÊN THỨ NHẤT

TỰ LUẬN

I. — Văn hóa là gì ?	13
II. — Điều kiện địa lý xứ Ấn độ chi-na	14
III. — Cư dân	18
IV. — Người Việt nam	20
V. — Lịch sử tiến hóa của dân tộc Việt nam	25
Sách tham khảo	37

THIÊN THỨ HAI

KINH TẾ SINH HOẠT

I. — Nông nghiệp	41
Phương pháp canh tác	43
Thủy lợi	45
Chính sách canh nông	50
Chế độ thổ địa	54
Chăn nuôi và chài lưới	57
II. — Công nghệ	58
Công nghệ tổ chức	60
Tại sao công nghệ không phát đạt ?	63
Công nghiệp hiện tại	66
III. — Thương mại	69
Thương nghiệp hiện đại	71
VI. — Cách sinh hoạt ở thôn quê	73
V. — Các thành thị	75
VI. — Đường giao thông	80
VII. — Thuế	82
Thuế dinh	84
Thuế điền thổ	89
Các thứ thuế khác	92
VIII. — Tiền tệ	95
Sách tham khảo	99

THIÊN THỨ BA

XÃ HỘI KINH TẾ SINH HOẠT

I. — Gia tộc	105
Thân thích	106
Gia trưởng và tộc trưởng	107
Địa vị đàn bà	109
Địa vị con cái	112
Hôn nhân	114
Kế thừa — Hương hỏa	116
Chế độ nô tỳ	119
Nhiệm vụ của gia đình	120
Cải tạo gia tộc	121
II. — Xã thôn	123
Xã thôn tổ chức	125
Sự sinh hoạt của xã thôn	129
Sự cải lương trong hương thôn	132
Làng thủy cơ	138
III. — Quốc gia	139
Quân chủ chính thể	141
Quan chế	143
Pháp chế	150
Binh chế	156
Cách tổ chức chính trị và hành chính ngày nay	160
IV. — Cứu tế và tương tế	163
V. — Phong tục	167
Ăn uống	167
Ăn trâu	169
Hút thuốc láo	171
Chè tàu	171
Quần áo — Giày nón	172
Đề tóc	175
Nhuộm răng	176
Trang sức	177

MỤC LỤC VIỆT NAM VĂN HÓA SỬ CƯƠNG

Nhà ở	178
Những cuộc tiêu khiển.	180
Về sự sinh đẻ	182
Về việc hôn nhân.	187
Về tật bệnh	191
Về tang chế	193
Tang phục.	197
Những tập tục về việc tang	198
Thượng thọ	200
Phân hoàng.	201
VI.— Tín ngưỡng và tế tự	201
Những tế tự ở gia tộc.	203
Tế tự ở hương thôn	207
Tế tự của quốc gia	214
Tế tự trong dân gian	218
Sách tham khảo	226

THIÊN THỨ TƯ

TRÍ THỨC SINH HOẠT

I.— Đời thương cò	233
II.— Thời đại phật học độc thịnh	234
III.— Thời đại tam giáo	235
IV.— Thời đại nho học độc tôn	237
V.— Nho học	239
VI.— Phật học	244
VII.— Lão học	249
VIII.— Giáo dục	254
IX.— Ngôn ngữ	267
Chữ nôm	269
Chữ quốc ngữ	270
X.— Văn học	272
XI.— Nghệ thuật	281
Kiến trúc	282
Điêu khắc và các nghệ thuật khác	285

MỤC LỤC VIỆT NAM VĂN HÓA SỬ CƯƠNG

Âm nhạc	290
Hát và múa	295
XII.— Khoa học	297
Thiên văn và số học	297
Y học	299
Sử ký và địa dư	301
XIII.— Phương thuật	304
Phong thủy	304
Bốc phệ	306
Số tướng	307
Các phép chiêm đoán	309
Sách tham khảo	313

THIÊN THỨ NĂM

TỔNG LUẬN

Sách tham khảo	341
--------------------------	-----



ĐỒNG QUÊ

PHI VÂN

viết

BỐN PHƯƠNG

xuất bản lần III

YIẾMYIẾM THƯ TRANG

phát hành

Sửa bài cũ, thêm bài mới.
Ấu loát cực kỳ tinh nhá.
212 trang toàn giấy Rem
nhẹ, bọc giấy HỒNG non.
Giá 28 đồng.



thuongmaitruongxua.vn

...Hố hồ khoan
Cơn địa chấn bể
Cơn gã cực tác
Mổ nhấc cùm chèo
Cơn mèo cùm lái
Cơn rái chạy bướm
Cơn tím tát nước
Là cái hồ hồ khoan.

...Sau rừng cây xanh bên
ấy, chạy dài đồng này sang
đồng kia, ruộng này sang
ruộng khác. Trong những
đồng ruộng mảnh mông,
hiền lành đó, ẩn trú biết
bao nhiêu là tá điền và
chủ điền.

Họ không phải là người
gây nên tội ác họ chỉ là
nạn nhân của hoàn cảnh xã
hội, và của một thời kỳ.

PHI VÂN

Trích nguyên văn Đồng Quê
trang 8 và trang 198

NHÀ SÁCH
KHAI TRI

Nhà Sách KHAI TRI
60-62 La-Lợi SAIGON

XUẤT BẢN BỐN PHƯƠNG

Đã xuất bản

HỒ XUÂN HƯƠNG — TRUYỆN CỎ VIỆT-NAM
ĐỒNG QUÊ

Lần lượt sẽ xuất bản

I.— VIỆN HỌC THUẬT

a/ *Hiển Phổ thông :*

QUANG TRUNG NGUYỄN HUỆ

Anh Hùng Dân Tộc

*Hoa Bằng soạn*b/ *Hiển Bác học :*HAI NHÀ ĐẠI GIÁO DỤC ĐÔNG PHƯƠNG :
KHÔNG-TỬ VÀ TAGORE

II.— VIỆN VĂN NGHỆ

a/ *Hiển Sáng tác :*

CHÚM HOA THẬP TỬ MUỘI

b/ *Hiển Phiên dịch :*

LIÊU TRAI CHÍ DỊ

Đào Trinh-Nhất dịch

MƯỜI LĂM TRUYỆN QUỐC TẾ

Vũ Minh-Thiếu dịch

III.— VIỆN GIÁO KHOA

a/ *Hiển Tân biên :*

ĐỀ VIẾT QUỐC NGỮ CHO ĐÚNG

b/ *Hiển Cỏ văn :*CUNG OÁN — HOA TIÊN — BÍCH CÂU — MAI ĐÌNH
TRINH THỦ — LỤC SÚC — BÀN NỮ — TRÊ CỐC*Nguyễn Hữu-Ái chú giải*

YIẾM YIẾM THƯ TRANG

113 - 115 KITCHENER — PHÁT HÀNH